

A. MA TRẬN, ĐẶC TẢ

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng			Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Số CH		Tỉ lệ (%)	
			Số CH	Tỉ lệ (%)	Số CH	Tỉ lệ (%)	Số CH	Tỉ lệ (%)	TN	TL		
1	Nghề chăn nuôi ở Việt Nam (1t)	1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi: - Biết được vai trò của ngành chăn nuôi	1	2,5%			1	10%	1	1	15%	1,5
		1.2. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi: - Đặc điểm cơ bản của những ngành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.			1	2,5%			1			
2.	Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam (1t)	1. Một số loại vật nuôi phổ biến ở Việt Nam: - Biết được đặc điểm những giống vật nuôi phổ biến ở Việt Nam	2	5%	2	5%			4		15%	1,5
		2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam- Biết được các phương thức chăn nuôi ở Việt Nam - Nhận biết một số loài nuôi bằng phương thức chăn thả	2	5,0%					2			
3	Kĩ thuật Nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi (3t)	1. Vai trò của việc nuôi dưỡng chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi: - Lợi ích của việc điều trị bệnh kịp thời cho vật nuôi.	1	2,5%	1	2,5%			1		45%	4,5
		2. Chăn nuôi vật nuôi: - Đặc điểm sinh lí của vật nuôi non - Nêu được mục đích nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản, - Các công việc chăm sóc vật nuôi cái sinh sản, - Tác dụng của việc cách li vật nuôi cái sinh sản bị bệnh. - Lợi ích của việc cho vật nuôi non vận động tiếp xúc với ánh nắng sớm - Công việc không phù hợp trong việc chăm sóc vật nuôi	4	10%	4	20%			8			

		đực giống - Những yêu cầu cần đảm bảo đối với vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản										
		3. Vệ sinh trong chăn nuôi: - Vì sao phải vệ sinh chuồng trại cho vật nuôi? - Các biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi	2	5%			1	10		2		
4	Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn. (2t)	1. Quy trình chăn nuôi. Nắm được quy trình chăn nuôi.	2	5%							25%	2,5
		2. Chăn nuôi gà thịt thả vườn.	2	5%								
Tổng			16	40%	8	30%	2	20%	24	3	100%	10
Tỉ lệ (%)			40		30		20					

B. ĐỀ KIỂM TRA

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần A: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Học sinh chọn một phương án (3 điểm)

Câu 1: Vai trò của ngành chăn nuôi:

- A. Cung cấp thực phẩm cho con người. B. Cung cấp sức kéo và phân bón cho nông nghiệp.
C. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp D. Cả câu A, B, C

Câu 2: Nhà chăn nuôi nghiên cứu:

- A. Giống vật nuôi, kỹ thuật nuôi dưỡng, phòng trị bệnh cho vật nuôi
B. Chăm sóc, theo dõi sức khỏe, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi.
C. Hỗ trợ và tư vấn các kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc
D. Theo dõi sức khỏe cho vật nuôi

Câu 3: Bò vàng Việt Nam có đặc điểm:

- A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng
B. Lông màu trắng, da mỏng
C. Lông màu nâu và mịn
D. Lông màu trắng, da mỏng

Câu 4: Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta là:

- A. Chẩn thả, chẩn nhốt
B. Chẩn thả, bán chẩn thả
C. Chẩn nhốt, bán chẩn thả
D. Chẩn thả, chẩn nhốt, bán chẩn thả

Câu 5: Những loài nào sau đây nuôi theo phương thức chăn thả?

- A. Trâu, bò, lợn
B. Bò, gà, vịt
C. Trâu, dê, lợn
D. Lợn, gà, vịt

Câu 6: Đặc điểm sinh lí của vật nuôi non:

- A. Chức năng của hệ tiêu hóa hoàn chỉnh, sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh.
B. Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh, sự điều tiết thân nhiệt hoàn chỉnh.
C. Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh, chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh
D. Sự điều tiết thân nhiệt hoàn chỉnh, chức năng của hệ tiêu hóa hoàn chỉnh

Câu 7: Cho vật nuôi non vận động, tiếp xúc với ánh nắng sớm giúp:

- A. Cơ thể khỏe mạnh.
B. Cơ thể bình thường
C. Trao đổi chất tốt
D. Cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt

Câu 8: Đối với lợn, bò, dê, vật nuôi đực giống cần đảm bảo các yêu cầu là:

- A. Cơ thể cân đối, rắn chắc

C. Có số lượng và chất lượng tinh dịch tốt D. Cả A, B, C

Câu 9: Nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản cần đảm bảo:

- A. Cung cấp năng lượng và chất dinh dưỡng B. Cung cấp đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng
C. Cung cấp ít năng lượng và ít chất dinh dưỡng D. Cung cấp nhiều năng lượng và nhiều chất dinh dưỡng

Câu 10: Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản gồm::

- A. Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi
B. Theo dõi và chăm sóc kịp thời khi vật nuôi đẻ
C. Thường xuyên theo dõi nhằm phát hiện bệnh và điều trị kịp thời
D. Cả câu A, B, C

Câu 11: Cách li vật nuôi cái sinh sản nhiễm bệnh nhằm:

- A. Vật nuôi phát triển tốt B. Tránh lây lan cho vật nuôi con
C. Vật nuôi lớn nhanh D. Vật nuôi bị nhiễm bệnh

Câu 12: Quy trình chăn nuôi:

- A. Chọn giống, chuẩn bị chuồng trại, nuôi dưỡng chăm sóc, tiêm vaccine định kì.
B. Chuẩn bị chuồng trại, chọn giống, nuôi dưỡng chăm sóc, tiêm vaccine định kì.
C. Chuẩn bị chuồng trại, nuôi dưỡng chăm sóc, chọn giống, tiêm vaccine định kì.
D. Chọn giống, nuôi dưỡng chăm sóc, tiêm vaccine định kì, chuẩn bị chuồng trại.

Phần B: Học sinh điền Đ (ĐÚNG) – S (SAI) vào ô trống (2 điểm)

- ☐ 1. Lợn Móng Cái có màu lông đen pha lẫn trắng hoặc hồng, lưng dài, rộng và hơi võng xuống.
☐ 2. Vịt cỏ có tấm vóc to, chậm chạp, khó nuôi, lông có một màu.
☐ 3. Chăn bán thả là vật nuôi chỉ sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp.
☐ 4. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non phải cho bú sữa đầu, tập ăn, sưởi ấm, cho vận động.
☐ 5. Chọn vật nuôi đực giống chỉ cần chất lượng tinh dịch tốt.
☐ 6. Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trị bệnh cho vật nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng chăn nuôi.
☐ 7. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi bao gồm vệ sinh thức ăn, nước uống và vệ sinh thân thể cho vật nuôi.
☐ 8. Nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản cần cung cấp đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng, thêm rau tươi, củ quả.

Phần C: Điền từ thích hợp vào chỗ (2 điểm)

1. Chăn thả: Vật nuôi tự do đi lại và ... (1) ... thức ăn nên cho ... (2) ... thấp.
2. Tùy loại vật nuôi, tùy mùa mà cho... (3) ...và ... (4) ... hợp lí.
3. Chăm sóc vật nuôi non cần ... (5) ... để tránh nhiễm lạnh, cho ... (6) ..., tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt.
4. Nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản phải cung cấp đủ năng lượng và các ... (7) ..., thêm ... (8) ...

(1)	(2)	(3)	(4)
(5)	(6)	(7)	(8)

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Nêu vai trò của nuôi?

Câu 2: (1 điểm) Vệ sinh trong chăn nuôi bao gồm những công việc nào?

Câu 3: (1 điểm) Áp dụng nguyên tắc “phòng bệnh hơn chữa bệnh” giúp ích gì cho người chăn nuôi?

C. HƯỚNG DẪN CHẤM

I/ TRẮC NGHIỆM.

Phần A (3 điểm): Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--------	--------	--------

D	A	A	D	B	A	D	D	B	D	B	B
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Phần B (2 điểm): Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8
Đ	S	S	Đ	S	Đ	S	Đ

Phần C (2 điểm): Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

(1) tự tìm kiếm	(2) năng suất	(3) tắm chải	(4) vận động
(5) sưởi ấm	(6) vận động	(7) chất dinh dưỡng	(8) rau tươi, củ quả.

II/ TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Số điểm
1	- Cung cấp thực phẩm cho con người như thịt, cá, trứng, sữa ... - Cung cấp sức kéo phục vụ cho cuộc sống. - Cung cấp phân bón phục vụ nông nghiệp. - Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.	0,25 0,25 0,25 0,25
2	Vệ sinh trong chăn nuôi bao gồm: - Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi. - Vệ sinh thân thể vật nuôi	1,0
3	* Gợi ý câu trả lời: - Giúp người chăn nuôi giảm thiểu rủi ro về bệnh tật của vật nuôi, giảm chi phí điều trị, tăng hiệu quả chăn nuôi.	1,0